

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày: 05-5-2022.

V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng hội.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Oanh;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2021/TLST-DS ngày 02/11/2021, “V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị N - Sinh năm: 1982; Địa chỉ: 142/TLB ấp T L B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T.

- *Bị đơn:* Trần Thị L - Sinh năm: 1965; *Địa chỉ:* 143/TLB ấp T L B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Võ Văn Bé E - Sinh năm: 1965; *Địa chỉ:* 143/TLB ấp T L B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T.

(Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện; Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị N trình bày:

Trần Thị L có làm chủ hội, Phạm Thị N tham gia hội với tư cách là hội viên cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội khai ngày 10/6/2019, mỗi tháng khai một lần vào ngày

10 dương lịch hàng tháng, giá hụi 2.000.000 đồng, gồm có 20 phần, Phạm Thị N tham gia chơi hai phần, hụi huê hồng 800.000 đồng, hụi mãn ngày 10/12/2020. Phạm Thị N hốt chót 02 phần hụi tổng cộng là 74.410.000 đồng, bà Trần Thị L giao 30.000.000 đồng còn nợ tính chẵn là 44.400.000 đồng.

Dây hụi thứ nhất: Hụi khai ngày 10/12/2019, mỗi tháng khai một lần vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, giá hụi 1.000.000 đồng, gồm có 20 phần, Phạm Thị N tham gia chơi một phần, hụi huê hồng 400.000 đồng, Phạm Thị N đóng hụi sống được 13 lần, mỗi lần đóng 770.000 đồng, đến lần thứ mười bốn không khai hụi nữa, tháng 02 năm 2021 bà Trần Thị L tuyên bố bể hụi. Ngoài ra hai bên không còn nợ khoảng tiền hụi nào khác.

Ông Võ Văn Bé E là chồng của bà Trần Thị L, ông Bé E không làm chủ hụi nhưng vợ chồng sống chung nhà biết và có nhận tiền đóng hụi của hụi viên nên phải có trách nhiệm liên đới với bà Trần Thị L trả tiền nợ hụi.

Phạm Thị N yêu cầu Trần Thị L, ông Võ Văn Bé E liên đới trả cho Phạm Thị N tiền hụi vốn còn nợ là 54.410.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Trần Thị L trình bày:

Trần Thị L thừa nhận có làm chủ hụi, Phạm Thị N có tham gia hai dây hụi với tư cách hụi viên đúng như Phạm Thị N trình bày và có nợ số tiền vốn hụi là 54.410.000 đồng đúng như lời trình bày của Phạm Thị N. Trần Thị L, Võ Văn Bé E đồng ý tự nguyện liên đới trả cho Phạm Thị N số tiền hụi còn nợ là 54.410.000 đồng, không phải trả tiền lãi. Ngoài ra hai bên không còn nợ khoảng tiền hụi nào khác.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn Bé E trình bày: Ông Võ Văn Bé E là chồng của bà Trần Thị L, ông Bé E không làm chủ hụi nhưng biết và có nhận tiền đóng hụi sống của Phạm Thị N dùm cho bà Lợi, do vợ chồng nên ông Võ Văn Bé E có trách nhiệm đồng ý liên đới cùng Trần Thị L trả cho Phạm Thị N số tiền hụi vốn còn nợ là 54.410.000 đồng, không phải trả tiền lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật, buộc bị đơn Trần Thị L, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Văn Bé E liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 54.410.000 đồng, không phải trả tiền lãi. (Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu Trần Thị L, Võ Văn Bé E trả tiền nợ hui, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng hui. Các đương sự cư trú tại xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết Phạm Thị N cho rằng hành vi của bà Trần Thị L có dấu hiệu phạm tội và làm đơn yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ đến Công an huyện Lai Vung để điều tra, xác minh giải quyết theo thẩm quyền. Công an huyện Lai Vung có Văn bản số 172/TL-CAH-ĐTTH ngày 7/3/2022 trả lời kết quả điều tra xác minh yêu cầu của bà Phạm Thị N “... việc tổ chức chơi hui của bà Trần Thị L... không có dấu hiệu của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng góp hui giữa Phạm Thị N với bị đơn bà Trần Thị L được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp với Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây là hợp đồng hợp pháp. Phạm Thị N hốt hui nhưng Trần Thị L chỉ giao 30.000.000 đồng, còn nợ 44.000.000 đồng và bà Nhung đã đóng tiền hui sống được 10.010.000 đồng đây hui do bà Lợi làm chủ nhưng chưa đến thời gian mãn hui thì bà Lợi đã tuyên bố bế hui, không còn khả năng trả tiền nợ hui. Vì vậy, bà Lợi đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã giao kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của Phạm Thị N.

Phạm Thị N yêu cầu Trần Thị L, Võ Văn Bé E trả cho Phạm Thị N tiền vốn hui còn nợ là 54.410.000 đồng, tiền lãi không yêu cầu, chứng cứ chứng minh là danh sách hui viên và bà Trần Thị L xác nhận số tiền nợ hui ký, ghi tên bà Lợi. Bà Trần Thị L, Võ Văn Bé E thừa nhận có nợ Phạm Thị N tiền hui là 54.410.000 đồng, đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hui theo yêu cầu của bà Phạm Thị N số tiền còn nợ là 54.410.000 đồng nhưng Phạm Thị N yêu cầu Trần Thị L, Võ Văn Bé E trả tiền nợ hui có thời gian trả cụ thể và Tòa án ghi nhận vào bản án còn Trần Thị L, Võ Văn Bé E trình bày đi làm có tiền hoặc bán được đất sẽ trả tiền cho bà Nhung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Phạm Thị N về việc buộc Trần Thị L, Võ Văn Bé E trả cho Phạm Thị N tiền vốn hui còn nợ là 54.410.000 đồng là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận là phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biểu, phường. Đối với yêu cầu

buộc trả tiền nợ hui thời gian trả cụ thể và ghi vào bản án là chưa đúng quy định pháp luật nên không được chấp nhận vì cách thức, thời gian trả tiền khi Bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án việc thi hành án thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án.

Đối với tiền lãi Phạm Thị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 23, Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị N về việc yêu cầu Trần Thị L, Võ Văn Bé E trả tiền hui còn nợ.

2. Buộc Trần Thị L, Võ Văn Bé E trả cho Phạm Thị N tiền vốn hui còn nợ là 54.410.000 đồng (Năm mươi bốn triệu, bốn trăm mười nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí, tạm ứng án phí:

4.1. Trần Thị L, Võ Văn Bé E phải nộp 2.720.500 đồng (Hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn trả lại cho Phạm Thị N 1.360.250 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, hai trăm năm mươi đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0005809, ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (5/5/2022).

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Huyền